TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 540/2024/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 18 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 505/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn T1, sinh năm 1991.
- Chị Phạm Thị L, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn T1 và chị Phạm Thị L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 07/5/2024 trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau không được hạnh phúc, trong cuộc sống hàng ngày thường xuyên xảy ra xích mích. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là do kết hôn vội vàng nên chưa thực sự hiểu nhau, vợ chồng đều không còn tình cảm gì với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh T và chị L là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận.

[2] Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh Nguyễn T1 và chị Phạm Thị L xác nhận không có con chung, tài sản chung, không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn T1 và chị Phạm Thị L thuận tình ly hôn.

- Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh Nguyễn T1 và chị Phạm Thị L xác nhận không có, không có ai yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn T1 và chị Phạm Thị L, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004153 ngày 14/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh Nguyễn T1, chị Phạm Thị L đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND xã D, thành phố H;
(ĐKKH số 10, ngày 07/5/2024)
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lê Văn Hạnh